

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠI TỪ  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 277/2020/QĐST-HNGĐ

*Đại Từ, ngày 30 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 408/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị L, sinh năm 1980

Trú quán: X 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1976

Trú quán: X 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị L và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ vợ chồng:** chị Tạ Thị L và anh Trần Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

**Về con chung:** Hai bên đương sự thống nhất thoả thuận sau khi ly hôn chị L là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Hương G, sinh ngày 18/7/2011 cho đến khi cháu G trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi

khác. Châu Trần Văn L sinh ngày 03/5/1999 đã trưởng thành nên không xem xét. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

**Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Các đương sự tự thoả thuận không tranh chấp không đề nghị Toà án giải quyết.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

**Về án phí:** Chị L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013651, ngày 30/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Số tiền 150.000đ còn lại theo biên lai hoàn trả chị L.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ**  
**Thẩm phán**

**Vũ Duy Chính**